

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THUẬT CÔNG NGHIỆP
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2330/QĐ-HĐTS ngày 21/3/2023 của HĐTS trường Công nghệ Thuật Công nghiệp)

STT	TT	Họ đệm	TÊN	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Tên ngành đăng ký xét tuyển	Điểm XT			Điểm UT		Tổng điểm	Kết quả XT	Ghi chú
								M1	M2	M3	KV	ĐT			
1	1	Lục Văn	Quân	Nam	20/01/2004	Nùng	CNKT cơ khí	5.2	5.3	6.4	0.75		17.65	TT	
2	2	Dương Văn	Tài	Nam	08/12/2005	Kinh	CNKT cơ khí	6.0	6.4	6.4	0.75		19.55	TT	
3	3	Nguyễn Tất	Tú	Nam	03/10/2004	Kinh	CNKT cơ khí	5.5	6.8	6.1	0.75		19.15	TT	
4	1	Nguyễn Quang	Tú	Nam	08/02/2005	Kinh	Công nghệ thông tin	6.0	5.6	4.6	0.25		16.45	TT	
5	2	Nguyễn Văn	Tú	Nam	23/10/2005	Kinh	Công nghệ thông tin	6.3	7.0	6.9	0.25		20.45	TT	
6	3	Nguyễn Văn	Tuyền	Nam	17/04/2005	Kinh	Công nghệ thông tin	7.1	7.7	6.8	0.75		22.35	TT	
7	4	Hà Ngọc	Thanh	Nam	24/08/2005	Kinh	Công nghệ thông tin	6.7	6.4	6.2	0.75		20.05	TT	
8	5	Nguyễn Quang	Thuật	Nam	30/06/2005	Kinh	Công nghệ thông tin	5.6	7.2	6.1	0.75		19.65	TT	
9	6	Hoàng Trọng	Thuyền	Nam	01/02/2005	Sán Chí	Công nghệ thông tin	6.8	6.6	5.6	0.75		19.75	TT	
10	7	Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	13/06/2005	Kinh	Công nghệ thông tin	7.1	7.3	6.6	0.75		21.75	TT	
11	8	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	07/11/2003	Kinh	Công nghệ thông tin	7.1	8.0	6.7	0.75		22.55	TT	
12	1	Hoàng Văn	Tiến	Nam	06/12/2005	Sán Chí	Điện công nghiệp	7.2	7.0	7.5	0.75		22.45	TT	
13	2	Nguyễn Thành	Tuyền	Nam	16/03/2005	Kinh	Điện công nghiệp	7.9	6.2	7.5	0.75		22.35	TT	
14	3	Nguyễn Xuân	Thanh	Nam	14/12/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.2	6.8	6.1	0.75		19.85	TT	
15	4	Nguyễn Trọng	Thành	Nam	23/12/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.2	7.7	6.2	0.75		20.85	TT	
16	5	Trịnh Thị	Thật	Nữ	22/12/2005	Kinh	Điện công nghiệp	5.2	6.2	7.8	0.75		19.90	TT	
17	6	Ngô Anh	Tiến	Nam	23/01/2005	Kinh	Điện công nghiệp	7.4	5.6	6.8	0.25		20.00	TT	
18	7	Nguyễn Văn	Tú	Nam	31/08/2002	Kinh	Điện công nghiệp	6.3	6.9	7.3	0.75		21.25	TT	
19	8	Kiều Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	04/01/2005	Kinh	Điện công nghiệp	8.0	8.3	8.2	0.25		24.75	TT	
20	9	Nguy Văn	Tùng	Nam	24/11/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.1	7.2	6.2	0.75		20.25	TT	
21	10	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	18/08/2005	Kinh	Điện công nghiệp	7.7	8.4	6.2	0.75		23.05	TT	
22	11	Nguyễn Đình	Tuyền	Nam	12/06/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.4	7.8	6.6	0.25		21.05	TT	
23	12	Trần Văn	Thái	Nam	18/07/2005	Kinh	Điện công nghiệp	8.0	7.5	7.2	0.75		23.45	TT	
24	13	Nguyễn Minh	Thao	Nam	23/05/2005	Kinh	Điện công nghiệp	3.0	4.6	5.2	0.50		13.30	TT	
25	14	Hoàng Văn	Thân	Nam	17/12/2004	Kinh	Điện công nghiệp	6.1	6.2	4.9	0.75		17.95	TT	
26	15	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	05/07/2005	Kinh	Điện công nghiệp	5.6	6.8	5.9	0.50		18.80	TT	
27	16	Lương Ngọc	Tùng	Nam	31/01/2005	Kinh	Điện công nghiệp	7.8	7.1	6.8	0.25		21.95	TT	
28	17	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	05/12/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.0	6.5	7.3	0.75		20.50	TT	
29	18	Lương Văn	Tuyền	Nam	15/10/2005	Nùng	Điện công nghiệp	7.5	7.2	7.5	0.75		22.95	TT	
30	19	Phạm Đức	Thắng	Nam	12/10/1998	Tày	Điện công nghiệp	5.3	5.1	5.2	0.75		16.35	TT	
31	20	Thân Đức	Thống	Nam	22/09/2001	Kinh	Điện công nghiệp	2.8	5.4	4.0	0.75		12.95	TT	
32	21	Vũ Đức	Thuận	Nam	15/12/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.4	6.1	6.1	0.75		19.35	TT	
33	22	Phạm Văn	Triệu	Nam	10/12/2005	Kinh	Điện công nghiệp	6.5	6.6	6.0	0.50		19.60	TT	
34	23	Đào Xuân	Trường	Nam	10/08/2005	Kinh	Điện công nghiệp	4.8	5.1	6.0	0.75		16.65	TT	
35	24	Nguyễn Văn	Ước	Nam	13/01/2005	Tày	Điện công nghiệp	6.7	5.8	5.2	0.75		18.45	TT	
36	1	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	30/09/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.6	6.6	7.1	0.75		21.05	TT	
37	2	Nguyễn Bá	Tùng	Nam	26/05/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.3	7.9	6.5	0.50		22.20	TT	
38	3	Phạm Thị	Thanh	Nữ	03/01/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	8.1	7.0	6.9	0.75		22.75	TT	
39	4	Chu Văn	Thành	Nam	23/06/2004	Nùng	CNKT điện, điện tử	7.4	7.9	7.0	0.75		23.05	TT	
40	5	Dương Ngô	Thành	Nam	09/06/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.6	5.8	5.9	0.75		19.05	TT	
41	6	Nguyễn Quang	Thành	Nam	08/01/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.4	6.5	6.8	0.25		19.90	TT	
42	7	Chu Phương	Thảo	Nữ	09/08/2002	Tày	CNKT điện, điện tử	6.9	6.0	7.3	0.75		20.95	TT	
43	8	Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	30/09/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.1	7.6	6.5	0.25		21.45	TT	
44	9	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	13/08/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.3	7.0	5.6	0.75		19.65	TT	
45	10	Đỗ Ngọc	Thiện	Nam	26/07/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	8.6	7.5	6.2	0.75		23.05	TT	
46	11	Ngô Minh	Quân	Nam	20/04/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.7	6.6	6.3	0.75		20.35	TT	
47	12	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	30/10/2000	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.7	6.6	6.4	0.50		19.20	TT	
48	13	Nguyễn Bá	Sơn	Nam	08/07/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.1	6.3	7.3	0.75		21.45	TT	
49	14	Nguyễn Chí	Tâm	Nam	22/10/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.8	6.9	6.0	0.75		20.45	TT	

NG
ANG
JAT
SHIẾP

50	15	Phùng Văn	Tuân	Nam	28/09/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.6	6.0	5.7	0.75		18.05	TT	
51	16	Thân Quang	Tùng	Nam	12/05/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	5.2	5.3	6.4	0.50		17.40	TT	
52	17	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	11/03/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	8.4	6.5	6.1	0.75		21.75	TT	
53	18	Giáp Mạnh	Thiên	Nam	04/11/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.0	5.1	3.2	0.75		15.05	TT	
54	19	Nguyễn Đình	Thuận	Nam	11/06/2004	Kinh	CNKT điện, điện tử	6.2	7.2	6.4	0.75		20.55	TT	
55	20	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	02/04/2005	Kinh	CNKT điện, điện tử	7.1	6.6	7.2	0.75		21.65	TT	
56	1	Hoàng Văn	Mạnh	Nam	04/12/2005	Nùng	Điện tử công nghiệp	6.3	7.3	6.1	0.75		20.45	TT	
57	2	Bùi Thế	Minh	Nam	31/03/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.4	5.8	7.0	0.75		18.95	TT	
58	3	Nguyễn Văn	Minh	Nam	07/09/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.6	5.3	5.1	0.75		16.75	TT	
59	4	Nguyễn Văn	Minh	Nam	11/02/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.5	7.0	6.1	0.75		20.35	TT	
60	5	Ngô Đình Bảo	Nguyễn	Nam	16/11/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.1	5.9	6.1	0.75		17.85	TT	
61	6	Đông Hoàng	Nhật	Nam	06/11/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.6	7.4	7.1	0.75		21.85	TT	
62	7	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	31/07/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	7.2	6.5	8.4	0.75		22.85	TT	
63	8	Nguyễn Hải	Quân	Nam	13/12/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.8	7.3	5.8	0.75		19.65	TT	
64	9	Nguyễn Thành	Son	Nam	18/09/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.0	6.6	6.0	0.75		19.35	TT	
65	10	Nguyễn Tiến	Tào	Nam	07/12/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.4	6.9	7.5	0.75		21.55	TT	
66	11	Bùi Trương Nhật	Tân	Nam	21/11/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	4.8	5.4	6.1	0.75		17.05	TT	
67	12	Nguyễn Đắc	Toàn	Nam	04/06/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	5.2	5.3	6.4	0.50		17.40	TT	
68	13	Trần Quốc	Toàn	Nam	19/12/2004	Sán Diu	Điện tử công nghiệp	6.9	5.8	6.0	0.75		19.45	TT	
69	14	Ngô Văn	Tú	Nam	13/03/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	3.8	4.0	2.2	0.75		10.75	TT	
70	15	Triệu Văn	Tùng	Nam	22/07/2005	Dao	Điện tử công nghiệp	6.9	7.4	5.9	0.75		20.95	TT	
71	16	Lê Văn	Tuyền	Nam	19/02/2005	Kinh	Điện tử công nghiệp	4.0	4.2	5.0	0.75		13.95	TT	
72	17	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	31/03/2004	Kinh	Điện tử công nghiệp	6.3	7.1	6.6	0.75		20.75	TT	
73	1	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	11/03/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.5	5.5	6.3	0.75		19.05	TT	
74	2	Ngô Thị	Thanh	Nữ	15/08/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.1	7.0	6.8	0.75		20.65	TT	
75	3	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	25/02/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.4	6.7	5.9	0.50		19.50	TT	
76	4	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	21/08/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	5.2	5.2	3.8	0.75		14.95	TT	
77	5	Nguyễn Văn	Thành	Nam	28/03/2005	Sán Diu	Quản trị kinh doanh	6.4	7.4	7.4	0.75		21.95	TT	
78	6	Đào Văn	Thay	Nam	10/04/2002	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.7	7.4	7.5	0.50		22.10	TT	
79	7	Nguyễn Văn	Thăng	Nam	02/02/2005	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.0	6.5	6.1	0.75		20.35	TT	
80	8	Mạc Văn	Thêm	Nam	27/07/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.5	7.1	6.5	0.75		20.85	TT	
81	9	Nguyễn Văn	Thi	Nam	28/05/2005	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.8	7.0	6.4	0.50		21.70	TT	
82	10	Nguyễn Phúc	Thiện	Nam	02/09/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.5	6.7	6.9	0.25		20.35	TT	
83	11	Cao Văn	Thiệt	Nam	27/07/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	5.1	5.9	6.1	0.75		17.85	TT	
84	12	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	12/06/2002	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.6	6.8	7.6	0.75		22.75	TT	
85	13	Nguyễn Trọng	Thơm	Nam	18/07/2003	Kinh	Quản trị kinh doanh	6.2	5.8	6.1	0.75		18.85	TT	
86	14	Vũ Thị	Thu	Nữ	14/06/1999	Kinh	Quản trị kinh doanh	5.8	6.1	5.4	0.25		17.55	TT	
87	15	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	04/03/2004	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.0	7.4	7.0	0.25		21.65	TT	
88	16	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	06/02/2001	Kinh	Quản trị kinh doanh	7.2	7.1	7.0	0.25		21.55	TT	
89	17	Hoàng Văn	Trọng	Nam	08/02/2001	Nùng	Quản trị kinh doanh	7.5	6.4	6.4	0.75		21.05	TT	
90	1	Nguyễn Đức	Sâm	Nam	26/07/2005	Kinh	Kế toán	8.0	8.2	6.1	0.25		22.55	TT	
91	2	Khổng Vũ	Toàn	Nam	15/11/2005	Kinh	Kế toán	5.2	5.0	5.2	0.75		16.15	TT	
92	3	Nguyễn Đức	Thái	Nam	07/06/2002	Kinh	Kế toán	8.5	8.1	7.2	0.75		24.55	TT	
93	4	Chu Văn	Thắng	Nam	21/07/2005	Tày	Kế toán	7.0	7.1	7.9	0.75		22.75	TT	
94	5	Đỗ Xuân	Thịnh	Nam	29/11/2002	Kinh	Kế toán	6.0	7.0	6.4	0.50		19.90	TT	
95	6	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	12/09/2004	Kinh	Kế toán	7.6	7.6	7.1	0.75		23.05	TT	
96	7	Nguyễn Trung	Quyết	Nam	03/10/2003	Kinh	Kế toán	5.9	6.3	6.1	0.75		19.05	TT	
97	8	Nguyễn Văn	Sanh	Nam	03/06/2005	Kinh	Kế toán	7.4	7.4	6.6	0.75		22.15	TT	
98	9	Cao Hoàng	Son	Nam	27/02/2000	Kinh	Kế toán	8.5	6.3	7.8	0.25		22.85	TT	
99	10	Giáp Văn	Son	Nam	01/01/2005	Kinh	Kế toán	6.4	6.2	6.1	0.75		19.45	TT	
100	11	Phạm Thanh	Tâm	Nam	17/10/2005	Kinh	Kế toán	6.0	6.9	6.1	0.75		19.75	TT	
101	12	Tạ Văn	Tân	Nam	12/02/2005	Hoa	Kế toán	4.8	5.9	6.1	0.75		17.55	TT	
102	13	Dương Hữu	Tân	Nam	05/09/2004	Kinh	Kế toán	6.1	7.6	6.0	0.75		20.45	TT	
103	14	Nguyễn Trọng	Tấn	Nam	12/04/2005	Kinh	Kế toán	5.2	5.4	7.5	0.75		18.85	TT	
104	15	Ngô Văn	Tiến	Nam	30/01/2005	Kinh	Kế toán	5.9	7.1	6.0	0.75		19.75	TT	
105	16	Nguyễn Xuân	Tú	Nam	28/08/2004	Kinh	Kế toán	6.1	6.7	5.5	0.50		18.80	TT	
106	17	Đỗ Minh	Tú	Nam	30/04/2003	Kinh	Kế toán	6.3	7.1	7.2	0.75		21.35	TT	

107	18	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	14/07/2005	Kinh	Kế toán	5.6	6.2	6.5	0.75		19.05	TT
108	19	Mai Anh Tuấn	Nam	26/05/2005	Kinh	Kế toán	5.9	6.4	6.2	0.75		19.25	TT
109	20	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	12/12/1999	Kinh	Kế toán	5.3	5.9	5.4	0.75		17.35	TT
110	21	Dương Văn Tuyên	Nam	25/08/2005	Kinh	Kế toán	7.7	7.6	6.5	0.75		22.55	TT
111	22	Nguyễn Minh Tuyền	Nam	30/04/2005	Kinh	Kế toán	6.4	7.4	5.8	0.75		20.35	TT
112	23	Nguyễn Quang Tuyền	Nam	30/04/2005	Kinh	Kế toán	6.7	6.7	5.4	0.75		19.55	TT
113	24	Đặng Văn Thái	Nam	03/03/2000	Kinh	Kế toán	7.0	5.7	5.9	0.75		19.35	TT
114	25	Nguyễn Xuân Thành	Nam	15/10/2002	Kinh	Kế toán	5.4	5.9	5.7	0,50		17.50	TT
115	26	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	27/07/1990	Kinh	Kế toán	4.8	4.3	6.3	0,50		15.90	TT
116	27	Nguyễn Văn Thắng	Nam	08/05/2005	Kinh	Kế toán	6.4	8.0	6.4	0,50		21.30	TT
117	28	Đỗ Mạnh Thống	Nam	19/11/2005	Kinh	Kế toán	7.3	8.2	6.1	0.25		21.85	TT
118	1	Văn Hữu Toàn	Nam	22/08/2005	Kinh	KT máy lạnh và ĐHKK	6.3	6.6	6.1	0,50		19.50	TT
119	2	Trần Đức Tồn	Nam	28/11/2005	Kinh	KT máy lạnh và ĐHKK	6.4	7.5	6.1	0.75		20.75	TT
120	3	Trương Văn Tuấn	Nam	28/12/2005	Tây	KT máy lạnh và ĐHKK	6.6	7.7	6.1	0.75		21.15	TT
121	4	Chu Anh Tuấn	Nam	09/07/2005	Tây	KT máy lạnh và ĐHKK	7.0	5.9	6.5	0.75		20.15	TT
122	5	Hà Văn Thái	Nam	24/06/2005	Kinh	KT máy lạnh và ĐHKK	6.6	6.6	6.6	0.25		20.05	TT
123	6	Trần Đức Thắng	Nam	04/01/2005	Kinh	KT máy lạnh và ĐHKK	7.2	7.3	5.9	0.75		21.15	TT
124	1	Hoàng Thị Hoà	Nữ	25/11/2005	Kinh	Máy thời trang	7.6	8.0	7.1	0.75		23.45	TT
125	2	Hà Thu Hương	Nữ	22/01/2005	Kinh	Máy thời trang	7.6	7.8	7.9	0,50		24.20	TT
126	1	Giáp Văn Minh	Nam	25/10/2005	Kinh	Công nghệ ô tô	6.0	6.8	6.0	0.75		19.55	TT
127	2	Vũ Văn Quân	Nam	01/11/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.4	6.4	6.2	0.75		19.75	TT
128	3	Lý Hồng Quân	Nam	04/10/2005	Hoa	Công nghệ ô tô	4.8	4.0	4.2	0.75		13.75	TT
129	4	Hoàng Văn Quỳnh	Nam	04/07/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	5.4	6.1	5.4	0.75		17.65	TT
130	5	Trần Thanh Sơn	Nam	30/11/2005	Kinh	Công nghệ ô tô	2.4	5.8	6.5	0.75		15.45	TT
131	6	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	24/12/2003	Kinh	Công nghệ ô tô	7.0	6.3	6.3	0.75		20.35	TT
132	7	Đồng Văn Tuyên	Nam	10/10/2000	Kinh	Công nghệ ô tô	8.5	7.2	5.2	0.75		21.65	TT
133	8	Đoàn Văn Thanh	Nam	17/02/2005	Kinh	Công nghệ ô tô	5.6	6.7	6.3	0.75		19.35	TT
134	9	Trần Trường Thịnh	Nam	07/07/2004	Kinh	Công nghệ ô tô	6.2	6.3	5.3	0.75		18.55	TT
135	1	Hà Quang Phúc	Nam	28/03/2005	Sán Diu	CNKTDK & TĐH	5.8	6.0	5.8	0.75		18.30	TT
136	2	Nông Văn Quyển	Nam	15/10/2003	Tây	CNKTDK & TĐH	5.5	5.3	4.6	0.75		16.15	TT
137	3	Lương Văn Tiếp	Nam	09/09/2005	Nùng	CNKTDK & TĐH	6.2	6.4	6.9	0.75		20.25	TT
138	4	Lương Văn Tùng	Nam	10/01/2003	Nùng	CNKTDK & TĐH	6.4	6.2	5.4	0.75		18.75	TT
139	5	Lương Thị Thanh	Nữ	21/10/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	7.6	5.8	5.8	0.75		19.95	TT
140	6	Giáp Văn Toàn	Nam	27/06/1995	Kinh	CNKTDK & TĐH	5.1	4.9	6.1	0.75		16.85	TT
141	7	Ngô Quang Toàn	Nam	19/07/2004	Tây	CNKTDK & TĐH	3.6	5.1	5.8	0.75		15.20	TT
142	8	Nguyễn Minh Tú	Nam	28/10/2004	Kinh	CNKTDK & TĐH	6.4	6.8	5.7	0.75		19.65	TT
143	9	Hoàng Phú Tú	Nam	15/03/2000	Kinh	CNKTDK & TĐH	6.6	6.4	7.4	0.75		21.15	TT
144	10	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	26/06/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	6.9	7.1	6.1	0.75		20.85	TT
145	11	Dương Trọng Tùng	Nam	29/04/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	5.2	5.3	6.4	0.75		17.65	TT
146	12	Ngô Thanh Tùng	Nam	31/10/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	4.8	4.1	4.2	0.75		13.85	TT
147	13	Hoàng Văn Tùng	Nam	09/04/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	7.1	7.7	7.5	0.75		23.05	TT
148	14	Nguyễn Đình Tuyên	Nam	05/07/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	6.4	8.0	6.4	0,50		21.30	TT
149	15	Lâm Trung Thái	Nam	26/02/2005	Nùng	CNKTDK & TĐH	3.8	5.0	4.8	0.75		14.30	TT
150	16	Vũ Trí Thành	Nam	30/12/2005	Kinh	CNKTDK & TĐH	8.4	7.9	6.9	0.75		23.95	TT
151	17	Giáp Văn Thành	Nam	31/12/2004	Kinh	CNKTDK & TĐH	3.6	3.2	3.8	0.75		11.35	TT
152	1	Trần Thanh Phương	Nam	22/10/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	7.0	6.7	6.6	0.75		21.05	TT
153	2	Nguyễn Nhật Quang	Nam	25/10/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	8.3	8.6	6.4	0.75		24.05	TT
154	3	Đào Thị Như Quỳnh	Nữ	22/09/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	6.6	7.6	6.3	0.25		20.75	TT
155	4	Nguyễn Xuân Tiên	Nam	05/11/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	6.9	8.1	6.9	0,50		22.40	TT
156	5	Trần Mai Anh Tú	Nam	10/09/2003	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	5.6	6.4	6.3	0,50		18.80	TT
157	6	Hoàng Ngô Xuân Tuấn	Nam	28/12/2004	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	7.8	8.9	7.4	0.25		24.35	TT
158	7	Nguyễn Văn Thanh	Nam	07/04/2004	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	6.6	6.7	6.8	0.75		20.85	TT
159	8	Lương Thị Huyền Thanh	Nữ	04/01/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	7.9	7.3	7.6	0.75		23.55	TT
160	9	Nguyễn Xuân Thắng	Nam	05/10/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	6.4	7.3	6.4	0.75		20.85	TT
161	10	Phạm Mạnh Thắng	Nam	11/06/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	6.7	7.2	6.4	0.75		21.05	TT
162	11	Hoàng Tiến Thắng	Nam	04/08/2005	Kinh	Tiếng Hàn Quốc	5.9	7.3	6.9	0.75		20.85	TT
163	1	Trần Minh Tâm	Nam	02/09/2005	Nùng	Thương mại điện tử	6.2	5.2	5.3	0.75		17.40	TT

164	2	Bùi Văn	Thắng	Nam	11/04/2002	Kinh	Thương mại điện tử	6.7	6.3	6.1	0.75		19.85	TT	
165	3	Nguyễn Văn	Trường	Nam	21/12/2000	Kinh	Thương mại điện tử	7.4	5.2	6.1	0.75		19.45	TT	
166	1	Đào Văn	Sang	Nam	27/09/2004	Kinh	Tiếng Trung Quốc	6.3	7.0	5.8	0,50		19.60	TT	
167	2	Hà Đức	Sinh	Nam	25/10/2005	Hoa	Tiếng Trung Quốc	7.2	7.2	6.9	0.75		22.05	TT	
168	3	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	26/05/1999	Kinh	Tiếng Trung Quốc	6.4	6.5	6.0	0,50		19.40	TT	
169	4	Nguyễn Thị	Toàn	Nữ	15/10/2005	Kinh	Tiếng Trung Quốc	6.4	7.0	7.1	0,50		21.00	TT	
170	5	Đinh Văn	Tuân	Nam	15/10/2004	Tây	Tiếng Trung Quốc	5.9	5.1	5.1	0.75		16.85	TT	
171	6	Lã Thị Phương	Thảo	Nữ	10/04/2005	Kinh	Tiếng Trung Quốc	7.4	7.1	7.6	0.75		22.85	TT	
172	7	Phạm Văn	Thắng	Nam	01/07/2005	Kinh	Tiếng Trung Quốc	7.1	6.9	6.7	0.75		21.45	TT	
173	8	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/01/2005	Kinh	Tiếng Trung Quốc	6.9	6.6	7.8	0.75		22.05	TT	

Bắc Giang, ngày 23 tháng 8 năm 2023



Đào Đức Quảng

THỦ KÝ HỘI ĐỒNG

Thân Văn Hùng

NGƯỜI LẬP

Vũ Duy Dũng